

Bản án số: 296/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 30/7/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Trần Thành Chúng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 5, Khu dân cư ấp T, thị trấn LB, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Trình Văn H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Tân Thạnh, thị trấn LB, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà M trình bày: Hôn nhân của bà và ông H do cha mẹ hai bên định đoạt và có tổ chức lễ cưới vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LB vào năm 2015. Sau đám cưới cả hai chung sống bên nhà cha mẹ chồng tại ấp Tân Thạnh, thị trấn LB. Do trong đời sống hôn nhân

thường phát sinh mâu thuẫn, ông H không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên dùng lời lẽ thô tục chửi mắng cha mẹ bà và hành hung, đánh đập xua đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà nên cả hai không còn chung sống với nhau hơn 02 tháng nay. Nay bà M xin ly hôn.

Con chung có 01 cháu tên Trình Ngọc Tr, sinh ngày 04/02/2014 đang sống với bà M. Ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con chung, không cần ông H cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trình Văn H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà M.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu, ông H vắng mặt không có lý do. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ đương sự có mặt không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp chứng cứ mới.

Do ông H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của ông Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn tại địa phương. Kết quả xác minh được bà Trình Thị Loan, chị ông H cung cấp: Mâu thuẫn giữa bà M và ông H phát sinh khi cả hai đi làm công nhân ở Đồng Nai, nguyên nhân chủ yếu là về tiền bạc, sau đó M tự ý bỏ đi, cả hai không còn chung sống với nhau khoảng trên 02 tháng nay. Về con chung đúng như bà M trình bày.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú của ông H thể hiện ông vẫn còn cư trú tại địa phương, thường xuyên về thăm nhà.

Tại phiên tòa, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự phát biểu:

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy trong đời sống hôn nhân của bà M và ông H có phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn

chung sống cả hai người không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình, ông H cũng đã được tổng đạt văn bản tố tụng của Toà án nhưng không tham gia hoà giải, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà M nên xem như đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà M. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không xem xét do bà không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết về việc ly hôn với ông H; các đương sự có nơi cư trú tại huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông H và bà M có đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2015, do vậy quan hệ hôn nhân của ông bà có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình kể từ thời điểm đăng ký. Do trong đời sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn mà theo lời trình bày của bà M thì ông H đi làm nhưng không đưa tiền phụ giúp bà nuôi con, bà nói thì đánh đập, xua đuổi bà, có lời lẽ xúc phạm cha mẹ bà nên cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Lời trình bày của bà M cũng phù hợp với lời trình bày của bà Loan, chị ông H về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Xét thấy: Ông H đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải nhưng ông không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà M và cũng không đến tham gia hòa giải, từ đó có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông H và bà M là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên cần cho bà M và ông H được ly hôn để mỗi bên tự xây dựng hạnh phúc riêng của mình.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Trình Ngọc Tr, sinh ngày 04/02/2014, đang sống với bà M. Khi ly hôn bà M có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trinh. Xét thấy cháu Trinh đang do bà M nuôi dưỡng, để đảm bảo cho sự phát triển

ổn định về tâm, sinh lý của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu Trinh cho bà được nuôi dạy.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp bà và ông H có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Trình Văn H được ly hôn.

- Con chung: Giao cháu Trinh Ngọc Tr, sinh ngày 04/02/2014 đang sống với bà M cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do bà M không yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011300 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú (Bà M đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS H.AP;
- UBND thị trấn LB H.AP;
- THADS H.AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Bảo